Mẫu số: D21-THADS
(Ban hành theo Thông tư số 04 /2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do -Hạnh phúc**
Số: 412/TB - THADS	*Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 98 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014,2022); Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan thi hành án dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 630/QĐ-TCTHADS ngày 26/6/2025 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS); Công văn số 1727/TCTHADS-NV1 ngày 20/5/2025 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS;

Căn cứ Bản án số 999/2024/HS-PT ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 11/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Lệnh kê biên tài sản số 02/LKB-VPCQCSĐT ngày 07/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu; Biên bản kê biên tài sản ngày 17/10/2022; 18/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 302,303,304,305,306,307,308,309,310,311,312,313,314,315,316,317,318,319,320,321,322,323,324,325,326,327,328,329,330,331,332,333,334,335,336,337,338,339,340,341,342,343,344,345/QĐ-CTHADS cùng ngày 16/4/2025; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 349/QĐ-CTHADS ngày 25/4/2025 của Cục THADS tỉnh Bạc Liêu; Quyết định thi hành án chủ động số 104/QĐ-CTHADS ngày 06/01/2025 của Cục THADS tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Biên bản về việc khảo sát xác minh hiện trạng tài sản đã kê biên ngày 06/8/2025; ngày 07/8/2025 của Chấp hành viên THADS tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 06/8/2025; 21/8/2025 của Chấp hành viên THADS tỉnh Cà Mau.

Sau khi khảo sát, đo đạc hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thi hành án, đương sự không thỏa thuận về giá tài sản đã kê biên và cũng không thỏa thuận được tổ chức thẩm định giá.

Chấp hành viên THADS tỉnh Cà Mau, địa chỉ: Số 05, đường Huyền Trân Công Chúa, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau cần lựa chọn tổ chức thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản đã kê biên để bảo đảm thi hành án, như sau:

+ (1) Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 27, diện tích 267,9m², địa chỉ đất: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau), mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 299867, số vào số cấp GCN CH02212 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp

cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo vào ngày 16 tháng 01 năm 2017, có vị trí:

- Hướng Đông giáp kênh liên doanh, có cạnh dài 10m.
- Hướng Tây giáp đường bê tông, có cạnh dài 10m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 16, tờ bản đồ 27, có cạnh dài 25,25m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27, có cạnh dài 27,37m.

Hiện trạng đất: Đất trống, không có tài sản trên đất.

+ (2) Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 5, diện tích 581,7m², địa chỉ đất: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau), mục đích sử dụng: Đất làm muối, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 831810, số vào sổ cấp GCN: CS04012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo vào ngày 05 tháng 01 năm 2021, có vị trí.

- Hướng Đông giáp thửa đất số 226,187,188, có cạnh 9m+12m+10m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 321, có cạnh dài 31m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 321, có cạnh dài 20m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 321, có cạnh dài 20m.

Hiện trạng đất: Không có tài sản trên đất.

+ (3) Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 5, diện tích 405,7m², địa chỉ đất: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau), mục đích sử dụng: Đất làm muối; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 281423, số vào sổ cấp GCN: CH02055 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp cho ông Lệ Hữu Lộc và bà Hà Kim Yến vào ngày 19 tháng 01 năm 2016, chuyển nhượng cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo theo hồ sơ số 009323.CN.001, có vị trí.

- Hướng Đông giáp đường 01 tháng 3 (đường nhựa), có cạnh 12m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 90, có cạnh dài 12m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 188, có cạnh dài 36m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 186, có cạnh dài 36m.

Hiện trạng đất: Không có tài sản trên đất.

Hiện trạng các thửa đất: Thửa đất số 320, Thửa đất số 187, 188 tờ bản đồ số 5, địa chỉ đất: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp 4, xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau) liền kề nhau, đã san lấp mặt bằng cao hơn lộ nhựa đường 01 tháng 3 nằm liền kề nhau thành diện tích lớn.

+ (4) Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 37, diện tích 186m², địa chỉ đất: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau); mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (150m²) và đất trồng cây lâu năm (36m²); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 949523; số vào số cấp GCN: CS02581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lâm Văn Kiệt và bà Ngô Thị Phụng vào ngày 27 tháng 11 năm 2017, chuyển nhượng cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo theo hồ sơ số 012112.CN.001 vào ngày 20 tháng 12 năm 2017, có vị trí.

- Hướng Đông giáp đường Phan Ngọc Hiển, có cạnh 08m + 4,81m.
- Hướng Tây giáp kênh Gành Hào, có cạnh dài 11,87m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 74, tờ bản đồ 37, có cạnh dài 0,50m+34,43m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 72, tờ bản đồ 37, có cạnh dài 0,18m + 6,70m + 31,98m.

Hiện trạng: Tài sản gắn liền trên đất được chia thành 02 phần, gồm:

- (Phần 1): Tài sản Công an đã kê biên: Là nhà Yến, kết cấu bằng bê tông, cốt thép có đặc điểm như sau: Là nhà căn nhà chính 01 tầng trệt, 05 tầng lầu, 01 mặt bằng sân thượng và 01 mặt bằng mái. Năm xây dựng 2020

Tầng trệt có kích thước diện tích 4,9m x 16,20 x 3,9m, nền lát gạch 40cmx40cm, vách tường xây gạch 20cm, ốp gạch 25cmx50cm, cao 1m, trên sơn nước, trần thạch cao, mái bê tông cốt thép.

Lầu 1 (Tầng 1): Nền lát gạch 40cmx40cm, vách tường xây gạch 20cm, ốp gạch 25cmx50cm, cao 1m, trên sơn nước, trần thạch cao, diện tích 5,6m x 16,20mx 3,6m.

Lầu 2 (tầng 2): Sàn bê tông cốt thép, vách tường xây gạch, tường bê tông cốt thép, kích thước 5,6m x 16,20m x 3,3m.

Từ lầu 3, 4, 5: kết cấu, diện tích tương tự lầu 2.

Hiện trạng: Lầu 1 để ở; lầu 2,3,4,5 để nuôi yến.

- (Phần 2) Tài sản Công an chưa kê biên, ông Tô Văn Bé yêu cầu định giá để thi hành án gồm: Căn nhà thứ 02, năm xây dựng 2020, kích thước 5m x 14,9m, kết cấu móng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch 40cm x40cm, vách tường xây gạch 10, ốp gạch 25cm x 50cm, cao 1m, trên sơn nước trần nhựa, khung nổi, Vì kè xà gồ, thép, mái tol lạnh, mái che ngang 6,5m, dài 2,4m, khung sắt mái tol lạnh nền xi măng. Căn nhà kho: Ngang 6,7m dài 2,4m; năm xây dựng 2020, kết cấu móng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép, vách tường xây gạch nền xi măng, gác gỗ, Vì kèo xà gồ gỗ, mái tol lạnh.

+ (5) Thửa đất số 999, tờ bản đồ số 11, diện tích 359,0m², địa chỉ đất: Ấp Gò Cát, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Long Điền, tỉnh Cà Mau), mục đích sử dụng: Đất làm muối, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 665727, số vào sổ cấp GCN: CS01643 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo vào ngày 08 tháng 8 năm 2018, có vị trí.

- Hướng Đông giáp thửa đất số 1000, có cạnh dài 32,50m + 12,97m.

- Hướng Tây giáp thửa đất số 998, có cạnh dài 7,16m và thửa số 683 có cạnh dài 25,34m + 12,76m.

- Hướng Nam giáp đường Giá Rai - Gành Hào, có cạnh dài 8m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 997, có cạnh dài 8m.

Hiện trạng: Đất trống, không có tài sản trên đất, đất đã san lấp mặt bằng cao hơn lộ Giá Rai - Gành Hào, nền bằng phẳng, không có cây trồng gì trên đất.

+ (6) Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 42, diện tích 254,7m², địa chỉ đất: Ấp Biển Tây B, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau), mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 825167, số vào sổ cấp GCN: CH03658 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho ông Tô Văn Bé và bà Nguyễn Xuân Thảo vào ngày 13 tháng 11 năm 2020, có vị trí:

- Hướng Đông giáp đường xi măng rộng 2,5, có cạnh dài: 9m.

- Hướng Tây giáp thửa đất số 11, có cạnh dài 9m.

- Hướng Nam giáp thửa đất số 10, có cạnh dài 28,30m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 11, có cạnh dài 28,30m.

Hiện trạng: Không có tài sản trên đất.

Vậy, thông báo để các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau biết, đăng ký.

Hồ sơ đăng ký của Tổ chức thẩm định giá bao gồm:

Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ hợp pháp; dự án tiêu biểu,.....) và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin hồ sơ đã cung cấp. Cơ quan THADS tỉnh Cà Mau không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá tài sản không được lựa chọn.

Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 25 tháng 08 năm 2025 đến hết 16 giờ 00 phút ngày 28 tháng 8 năm 2025 (trong giờ hành chính).

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại cơ quan THADS tỉnh Cà Mau

Địa chỉ nộp hồ sơ: Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, địa chỉ: Số 05, đường Huyền Trân Công Chúa, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

Nơi nhận:
- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh Cà Mau;
- Cổng TTĐT của Cục QLTHADS; (tích hợp trong 02 ngày làm việc liên tiếp)
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. CÀ MAU

Lê Văn Út Tỏa

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7 /TTr-THADS	*Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Đề nghị giải quyết chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

Kính gửi: Cục Quản lý Thi hành án dân sự

I. Căn cứ thực hiện

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đã sửa đổi, bổ sung ngày 15/3/2025;

Thực hiện Công văn số 282/CQLTHADS-TCCB ngày 23/7/2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự (THADS) về việc tiếp tục thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

II. Nội dung thực hiện và đề nghị của THADS tỉnh Cà Mau

1. Nội dung thực hiện

Trên cơ sở nguyện vọng của cá nhân và đề nghị của các đơn vị, THADS tỉnh tổ chức họp tập thể lãnh đạo, cấp ủy rà soát tổng thể, đánh giá các tiêu chí để thực hiện chính sách, chế độ đối với các trường hợp xin nghỉ hưu trước tuổi, xin nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, đã sửa đổi, bổ sung ngày 15/3/2025. Kết quả thống nhất 100% trình Cục Quản lý THADS xem xét giải quyết chính sách, chế độ đối với 32 trường hợp xin nghỉ kể từ ngày 01/9/2025, trong đó có 04 trường hợp xin nghỉ hưu trước tuổi, 14 công chức xin nghỉ thôi việc, 14 người lao động xin nghỉ thôi việc, cụ thể như sau:

1.1. Xin nghỉ hưu trước tuổi: 04 trường hợp (03 công chức, 01 người lao động), gồm:

(1) Ông Trần Quốc Trạng, Chấp hành viên trung cấp, Phòng THADS khu vực 4;

(2) Ông Trần Quốc Cường, Phó Trưởng phòng, Phòng THADS khu vực 7;

(3) Bà Hữu Thị Chiên, Chấp hành viên sơ cấp, Phòng THADS khu vực 8;

(4) Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Lái xe, Văn phòng THADS tỉnh Cà Mau.

1.2. Xin nghỉ thôi việc đối với công chức: 14 trường hợp, gồm:

(1) Ông Bùi Quốc Hoàn, Kế toán viên, Phòng Tài chính - Kế toán THADS tỉnh Cà Mau;

(2) Ông Phạm Minh Triều, Kế toán viên, Phòng Tài chính - Kế toán THADS tỉnh Cà Mau;

(3) Ông Nguyễn Quốc Bình, Chấp hành viên sơ cấp, Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự THADS tỉnh Cà Mau;

(4) Bà Nguyễn Bích Trang, Phó Trưởng phòng, Phòng THADS khu vực 1;

(5) Bà Ngô Lâm Băng Tâm, Chấp hành viên sơ cấp, Phòng THADS khu vực 1;

(6) Ông Trần Trà My, Nhân viên, Phòng THADS khu vực 3;

(7) Bà Trương Lệ Hằng, Cán sự, Phòng THADS khu vực 4;

(8) Ông Trần Hải Long, Thư ký THA, Phòng THADS khu vực 4;

(9) Ông Trần Hoàng Huynh, Thư ký trung cấp, Phòng THADS khu vực 4;

(10) Bà Trương Tuyết Mỹ, Thẩm tra viên, Phòng THADS khu vực 4;

(11) Ông Đỗ Hoàng Anh, Phó Trưởng phòng Phòng THADS khu vực 5;

(12) Bà Huỳnh Hồng Vẹn, Cán sự, Phòng THADS khu vực 5;

(13) Ông Huỳnh Kim Mẫn, Chấp hành viên sơ cấp, Phòng THADS khu vực 7;

(14) Bà Trịnh Thị Hoa, Nhân viên, Phòng THADS khu vực 8.

1.3. Xin nghỉ thôi việc đối với người lao động: 14 trường hợp, gồm:

(1) Ông Nguyễn Thành Hưng, Bảo vệ, Văn Phòng THADS tỉnh Cà Mau;

(2) Bà Khương Thị Âu Sa, Phục vụ, Văn Phòng THADS tỉnh Cà Mau;

(3) Ông Nguyễn Văn Lành, Lái xe, Phòng THADS khu vực 1;

(4) Ông Lại Nguyên Tuệ, Bảo vệ, Phòng THADS khu vực 1;

(5) Ông Trần Hoàng Bảo, Bảo vệ, Phòng THADS khu vực 1;

(6) Ông Đỗ Chí Nguyện, Bảo vệ, Phòng THADS khu vực 2;

(7) Bà Nguyễn Thu Hà, Phục vụ, Phòng THADS khu vực 2;

(8) Bà Nguyễn Thị Trường An, Phục vụ, Phòng THADS khu vực 3;

(9) Ông Đặng Minh Trường, Lái xe, Phòng THADS khu vực 4;

(10) Ông Trần Quân Phong, Bảo vệ, Phòng THADS khu vực 6;

(11) Ông Nguyễn Quang Thanh, Bảo vệ, Phòng THADS khu vực 7;

(12) Bà Phan Mỹ Nhiên, Phục vụ, Phòng THADS khu vực 7;

(13) Ông Lê Quốc Cương, Lái xe, Phòng THADS khu vực 9;

(14) Bà Trịnh Mỹ Linh, Phục vụ, Phòng THADS khu vực 9.

2. Đề xuất của THADS tỉnh Cà Mau

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, đã sửa đổi, bổ sung ngày 15/3/2025, kết quả rà soát về các tiêu chí theo quy định và nguyện vọng của công chức, người lao động. THADS tỉnh Cà Mau nhận thấy 32 công chức, người lao động nêu trên đủ điều kiện nghỉ hưu, nghỉ thôi việc theo quy định để giải quyết chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

THADS tỉnh Cà Mau kính trình Cục Quản lý THADS xem xét, giải quyết chính sách, chế độ đối với 32 trường hợp nêu trên.

Tài liệu gửi kèm: Danh sách và dự kiến kinh phí; hồ sơ xin nghỉ của từng cá nhân; các tài liệu khác có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban TCCB Cục QLTHADS;
- Lưu: VT, TCCB.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN

Huỳnh Hoàng Khâm

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU XIN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP
(Kèm theo Tờ trình số 7/TTr-THADS ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Tỉnh/Thành phố	TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh, đơn vị đang công tác			Tiền lương tháng hiện hưởng							Lương để tính chính sách, chế độ	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Thời điểm Quyết định sắp xếp tổ chức	Thời điểm nghỉ hưu để thực hiện chính sách, chế độ	Thời điểm nghỉ so với QĐ sắp xếp tổ chức	Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135		Tuổi khi nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ		Số năm số tháng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động		Số tháng, năm tính chính sách, chế độ			Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ				Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, đánh giá không đáp ứng...)
					Chức vụ (nếu có)	Chức danh (CHVTC, CHVSC, TKTHA, TTV, Kế toán viên,...)	Đơn vị công tác	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp trách nhiệm nghề (PCTTV,TTVC,TTVCC, Thư ký THA) (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp khác		Năm	Tháng						Tuổi	Tháng	Tuổi	Tháng	Năm	Tháng	Số tháng nghỉ sớm	Số năm nghỉ sớm	Thời gian công tác	Trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH (từ 15 năm trở lên)	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35=33+34+35	36
Cà Mau	1	Trần Quốc Trạng	Nam	03/5/1968		Chấp hành viên trung cấp	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	5,42			25%	25%	17%		21.180.276	38	7		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	57	3	4	9	57	5	39	1.207.275.732	338.884.416	529.506.900	2.075.667.048	Đơn tự nguyện
Cà Mau	2	Trần Quốc Cường	Nam	15/12/1964	Phó trưởng phòng	Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau	4,65	0,35		30%	25%	20%		20.475.000	26	8		01/7/2025	01/9/2025	2	61	6	60	8	0	10	10	1,0	27,0	204.750.000	-	-	204.750.000	Đơn tự nguyện
Cà Mau	3	Hữu Thị Chiên	Nữ	20/12/1971		Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 8 - Cà Mau	3,99			30%	25%	14%		15.778.854	21	2		01/7/2025	01/9/2025	2	58	0	53	8	4	4	52	4,5	21,5	820.500.408	114.396.692	355.024.215	1.289.921.315	Đơn tự nguyện, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ
		Tổng cộng	3																															3.570.338.363	

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU XIN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP
(Kèm theo Tờ trình số 7/TTr-THADS ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Tỉnh/ Thành phố	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh, đơn vị đang công tác		Lương hiện hưởng (đồng) theo hợp đồng	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm nghỉ hưu để thực hiện chính sách, chế độ	Số năm số tháng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động	Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135	Tuổi khi nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ	Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ (đồng)				Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, đánh giá không đáp ứng...)
			Nam	Nữ	Chức danh	Đơn vị công tác		Tổng số năm (tính đến thời điểm nghỉ)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên					Trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH (từ 15 năm trở lên)	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	Tổng cộng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Cà Mau	1	Nguyễn Thanh Tuấn	11/10/1967		Nhân viên lái xe	Văn phòng THADS tỉnh Cà Mau	7.510.000	28 năm 10 tháng	0	01/9/2025	4 năm 2 tháng	62 tuổi	57 tuổi 10 tháng	375.500.000	82.610.000	168.975.000	627.085.000	Đơn tự nguyện
		Tổng cộng:	1														627.085.000	

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU XIN NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số 7/TTr-THADS ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Tỉnh/ Thành phố	TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh, đơn vị đang công tác			Tiền lương tháng hiện hưởng							Lương để tính chính sách, chế độ	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Thời điểm Quyết định sắp xếp tổ chức	Thời điểm nghỉ thôi việc để thực hiện chính sách, chế độ	Thời điểm nghỉ so với QĐ sắp xếp tổ chức	Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135		Tuổi khi nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ		Số năm số tháng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động		Số tháng, năm tính chính sách, chế độ			Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ				Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, dôi dư, đánh giá không đáp ứng...)
					Chức vụ (nếu có)	Chức danh (CHVTC, CHVSC, TKTHA, TTV, Kế toán viên,...)	Đơn vị công tác	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp trách nhiệm nghề (PCTTV,TTVC,TTVCC, Thư ký THA) (%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp khác		Năm	Tháng					Tuổi	Tháng	Tuổi	Tháng	Năm	Tháng	Số tháng nghỉ sớm	Số năm nghỉ sớm	Thời gian công tác	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng lương hiện hưởng cho thời gian công tác có đóng BHXH	Trợ cấp 3 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35=32+33+34	36
Cà Mau	1	Bùi Quốc Hoàn	Nam	25/02/1985		Kế toán viên	Phòng Tài chính - Kế toán, THADS tỉnh Cà Mau	3,00				25%			8.775.000	15	8		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	40	6	21	6	258	21,5	16	421.200.000	210.600.000	26.325.000	**658.125.000**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	2	Phạm Minh Triều	Nam	18/10/1980		Kế toán viên	Phòng Tài chính - Kế toán, THADS tỉnh Cà Mau	3,99				25%			11.670.750	21	6		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	44	10	17	2	206	17,5	21,5	560.196.000	376.381.688	35.012.250	**971.589.938**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	3	Nguyễn Quốc Bình	Nam	15/8/1978		Chấp hành viên sơ cấp	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, THADS tỉnh Cà Mau	3,99	0,35		30%	25%	14%		17.162.964	21	4		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	47	0	15	0	180	15	21,5	823.822.272	553.505.589	51.488.892	**1.428.816.753**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	4	Nguyễn Bích Trang	Nữ	12/8/1980	Phó trưởng phòng	Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau	4,32	0,4		30%	25%	14%		18.665.712	20	5		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	45	0	15	0	180	15	20,5	895.954.176	573.970.644	55.997.136	**1.525.921.956**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	5	Ngô Lâm Băng Tâm	Nữ	30/11/1975		Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau	4,32			30%	25%	14%		17.083.872	24	8		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	49	9	10	3	123	10,5	25	820.025.856	640.645.200	51.251.616	**1.511.922.672**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	6	Trần Trà My	Nam	20/12/1985		Nhân viên	Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau	3,06				25%			8.950.500	15	1		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	39	8	22	4	268	22,5	15,5	429.624.000	208.099.125	26.851.500	**664.574.625**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	7	Trương Lệ Hằng	Nữ	16/9/1979		Cán sự	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	3,96				25%			11.583.000	19	5		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	45	11	14	1	169	14,5	19,5	555.984.000	338.802.750	34.749.000	**929.535.750**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	8	Trần Hải Long	Nam	26/4/1988		Thư ký THA	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	3,66			20%	25%	13%		13.531.752	14	10		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	37	4	24	8	296	25	15	649.524.096	304.464.420	40.595.256	**994.583.772**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	9	Trần Hoàng Huynh	Nam	01/01/1984		Thư ký trung cấp THA	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	3,06			20%	25%	13%		11.313.432	14	7		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	41	7	20	5	245	20,5	15	543.044.736	254.552.220	33.940.296	**831.537.252**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	10	Trương Tuyết Mỹ	Nữ	15/9/1984		Thẩm tra viên	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	3,66			25%	25%	14%		14.045.616	19	0		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	40	11	19	1	229	19,5	19	674.189.568	400.300.056	42.136.848	**1.116.626.472**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	11	Đỗ Hoàng Anh	Nam	15/12/1978	Phó trưởng phòng	Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau	4,32	0,35		30%	25%	14%		18.467.982	21	8		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	46	8	15	4	184	15,5	22	886.463.136	609.443.406	55.403.946	**1.551.310.488**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	12	Huỳnh Hồng Vẹn	Nữ	26/5/1986		Cán sự	Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau	3,65				25%			10.676.250	19	4		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	39	3	20	9	249	21	19,5	512.460.000	312.280.313	32.028.750	**856.769.063**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	13	Huỳnh Kim Mẫn	Nam	04/11/1973		Chấp hành viên sơ cấp	Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau	4,32			30%	25%	14%		17.083.872	19	8		01/7/2025	01/9/2025	2	62	0	51	9	10	3	123	10,5	20	820.025.856	512.516.160	51.251.616	**1.383.793.632**	Đơn tự nguyện
Cà Mau	14	Trịnh Thị Hoa	Nữ	25/11/1980		Nhân viên văn thư	Phòng THADS khu vực 8 - Cà Mau	3,66				25%			10.705.500	18	9		01/7/2025	01/9/2025	2	60	0	44	9	15	3	183	15,5	19	513.864.000	305.106.750	32.116.500	**851.087.250**	Đơn tự nguyện
		Tổng cộng	14																															**15.276.194.622**	

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHỈ THÔI VIỆC TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 7/TTr-THADS ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

Tỉnh/ Thành phố	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh, đơn vị công tác		Lương hiện hưởng (đồng) theo hợp đồng	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm nghỉ thôi việc để thực hiện chính sách, chế độ	Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ (đồng)			Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, dôi dư, đánh giá không đáp ứng...)
			Nam	Nữ	Chức danh	Đơn vị công tác		Tổng số năm (tính đến thời điểm nghỉ)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên		Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng lương hiện hưởng cho thời gian công tác có đóng BHXH	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15=12+13+14	16
Cà Mau	1	**Nguyễn Thành Hưng**	14/01/1976		Nhân viên bảo vệ	Văn phòng, THADS tỉnh Cà Mau	4.410.000	07 năm 4 tháng		01/9/2025	211.680.000	49.612.500	**261.292.500**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	2	**Khương Thị Âu Sa**		01/01/1985	Nhân viên phục vụ	Văn phòng, THADS tỉnh Cà Mau	4.410.000	13 năm 9 tháng		01/9/2025	211.680.000	92.610.000	**304.290.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	3	**Nguyễn Văn Lành**	01/01/1977		Nhân viên lái xe	Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau	4.824.000	12 năm 7 tháng		01/9/2025	231.552.000	94.068.000	**325.620.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	4	**Lại Nguyên Tuệ**	02/4/1979		Nhân viên bảo vệ	Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau	4.410.000	10 năm 11 tháng		01/9/2025	211.680.000	72.765.000	**284.445.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	5	**Trần Hoàng Bảo**	01/01/1981		Nhân viên bảo vệ	Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau	4.410.000	7 năm 10 tháng		01/9/2025	211.680.000	52.920.000	**264.600.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	6	**Đỗ Chí Nguyện**	01/01/1986		Nhân viên bảo vệ	Phòng THADS khu vực 2 - Cà Mau	3.550.000	9 năm 10 tháng		01/9/2025	170.400.000	53.250.000	**223.650.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	7	**Nguyễn Thu Hà**		05/12/1986	Nhân viên phục vụ	Phòng THADS khu vực 2 - Cà Mau	3.450.000	8 năm 3 tháng		01/9/2025	165.600.000	43.987.500	**209.587.500**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	8	**Nguyễn Thị Trường An**		04/10/1990	Nhân viên phục vụ	Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau	3.860.000	9 năm 5 tháng		01/9/2025	185.280.000	55.005.000	**240.285.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	9	**Đặng Minh Trường**	01/01/1986		Nhân viên lái xe	Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau	4.155.000	8 năm 1 tháng		01/9/2025	199.440.000	52.976.250	**252.416.250**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	10	**Trần Quân Phong**	06/10/1987		Nhân viên bảo vệ	Phòng THADS khu vực 6 - Cà Mau	4.410.000	16 năm 6 tháng		01/9/2025	211.680.000	109.147.500	**320.827.500**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	11	**Nguyễn Quang Thanh**	09/4/1996		Nhân viên bảo vệ	Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau	3.860.000	7 năm 3 tháng		01/9/2025	185.280.000	43.425.000	**228.705.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	12	**Phan Mỹ Nhiên**		01/01/1981	Nhân viên phục vụ	Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau	3.860.000	8 năm 8 tháng		01/9/2025	185.280.000	52.110.000	**237.390.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	13	**Lê Quốc Cương**	20/9/1995		Nhân viên lái xe	Phòng THADS khu vực 9 - Cà Mau	3.500.000	7 năm 02 tháng		01/9/2025	168.000.000	39.375.000	**207.375.000**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
Cà Mau	14	**Trịnh Mỹ Linh**		05/8/1981	Nhân viên phục vụ	Phòng THADS khu vực 9 - Cà Mau	3.450.000	8 năm 02 tháng		01/9/2025	165.600.000	43.987.500	**209.587.500**	Có đơn tự nguyện xin nghỉ
		Tổng cộng	**14**										**3.570.071.250**	